

Bản án số: 48/2023/HS-ST

Ngày: 25/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Thái;
Ông Nguyễn Văn Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2023/TLST-HS, ngày 30/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HS ngày 11/9/2023 đối với bị cáo:

Trần Văn D (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 29/3/1960 tại tỉnh TQ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn TT, xã AK, thành phố TQ, tỉnh TQ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Đắc T (đã chết) và bà Ngô Thị H, sinh năm 1920; Vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1963. Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Kạn từ ngày 25/3/2023 đến ngày 20/6/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Giang Văn Q, sinh năm 1987, Luật sư Công ty Luật TNHH TYL, thuộc Đoàn Luật sư thành phố HN. Địa chỉ: Tầng ..., Tòa nhà VÁ, số ... DT, phường DV, quận CG, thành phố HN. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân tỉnh BK. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BK. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mỹ H, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngô Văn S, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CD, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Thào Văn S, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Dương Văn T, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Dương Văn D, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

5. Vừ Văn S, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

6. Vừ Văn T, sinh năm 2002, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

7. Vừ Văn M, sinh năm 2003, địa chỉ Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

8. Vừ Văn S, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

9. Vừ Văn H, sinh năm 2004, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

10. Vừ Văn P, sinh năm 2007, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện hợp pháp của Phông: Anh Vừ Văn T, sinh năm 2002, địa chỉ: Thôn CS, xã XL, huyện CĐ, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

11. Trương Thị D, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn CT, xã NM, huyện BB, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

12. Lê Hồng C, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ ..., phường PCK, thành phố BK, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

13. Phan Thị A, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ .., phường PCK, thành phố BK, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

14. Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ ..., phường PCK, thành phố BK, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, bà Trương Thị D, sinh năm 1973, trú tại thôn CT, xã NM, huyện BB thuê ông Ban Hoàng D, sinh năm 1977, trú tại thôn CL, xã NC, huyện CĐ sử dụng máy xúc để san ủi mặt bằng trên thửa đất số 45 và 67 tờ bản đồ số 105 bản đồ địa chính xã NM, huyện BB, là đất trồng cây lâu năm được UBND huyện BB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà D, với mục đích để xây dựng công trình Homestay phục vụ hoạt động kinh doanh lưu trú. Năm 2020, bà D thuê người xây dựng và tìm mua nhà gỗ để thực hiện việc xây dựng công trình. Đến tháng 8 năm 2021, do không đủ vốn bà D đã thỏa thuận, thống nhất với vợ chồng ông Lê Hồng C, sinh năm 1980 và bà Phan Thị A, sinh năm 1981, cùng trú tại tổ ...,

phường PCK, thành phố BK, để cùng góp vốn đầu tư tiếp tục xây dựng, hoàn thiện công trình. Theo thỏa thuận, thì vợ chồng ông C, bà A sẽ góp vốn đầu tư toàn bộ phần xây dựng, hoàn thiện các hạng mục của công trình, lắp đặt các trang thiết bị và trang trí công trình, còn bà D là người quản lý khi công trình được đưa vào sử dụng. Sau đó, bà D thuê ông Lộc Văn T, sinh năm 1996, trú tại thôn ND, xã ĐP, huyện BB làm chủ thầu xây dựng và hoàn thiện các hạng mục bằng bê tông của công trình. Còn vợ chồng ông C, bà A thuê ông Nông Đức T, sinh năm 1963, trú tại tổ GL, phường HT, thành phố BK làm chủ thầu đến thôn CT, xã NM, huyện BB để dựng nhà và hoàn thiện các hạng mục bằng gỗ của công trình.

Tháng 3 năm 2023, ông Lê Hồng C và bà Phan Thị A nhờ Trần Văn D, là chú rể của ông C, sinh năm 1960, trú tại thôn TT xã AK, thành phố TQ, tỉnh TQ đến trông coi, quản lý nhân công tại công trình. Trong thời gian trông coi, quản lý công trình, do thấy khu vực phía sau công trình rậm rạp, cỏ mọc hoang, xen lẫn các bụi chuối và các cây gỗ nhỏ nên D nảy sinh ý định thuê người phát, phá và trồng hoa, cây ăn quả, mục đích để tránh rắn, rết và tạo cảnh quan cho công trình khi đưa vào sử dụng. Cũng trong thời gian này, D gặp và quen biết ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, trú tại tổ ..., phường PCK, thành phố BK, là người được C thuê làm cây xi măng, trồng và chăm sóc cây cảnh tại công trình đang xây dựng, biết T có bán các giống cây hoa Ban, Lê, Mận nên D đã hỏi mua các giống cây trên mục đích để sau khi phát, phá xong sẽ mua giống, thuê T trồng cây và được T đồng ý. D và T thỏa thuận, T sẽ cung cấp và trồng cây hoa Ban, Lê, Mận đến khi cây sống thì D sẽ thanh toán cho T 210.000đ (hai trăm mười nghìn đồng)/01 cây hoa Ban và 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng)/01 cây Lê, cây Mận. Thời điểm này, D chưa nói với T địa điểm trồng các loại cây nêu trên. Ngày 01/3/2023, D thuê Ngô Văn S, sinh năm 1990, trú tại thôn CS, xã NM, huyện BB phát, phá khu rừng phía sau công trình xây dựng và được S đồng ý. Do diện tích khu vực cần phát, phá lớn nên S nói với D để S gọi thêm người cùng phát, phá và được D đồng ý, S và D thỏa thuận tiền công phát, phá là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)/1 người/1 ngày. Đến ngày 07/3/2023, S rủ thêm Thào Văn S, sinh năm 1972, trú tại thôn CS, xã XL, huyện CĐ cùng phát, phá theo sự chỉ đạo của D. Khi thuê và chỉ đạo S, S phát, phá D không nói cho S và S biết khu vực phát phá là rừng gì và thuộc quyền quản lý của ai, bản thân S và S không biết đây là rừng đặc dụng thuộc quyền quản lý của Ban quản lý Vườn Quốc gia BB, mà nghĩ là đất của công trình do D đang trông coi, quản lý. Từ sáng ngày 07/3/2023 đến hết ngày 08/3/2023, S và S sử dụng dao để phát cỏ, chặt các cây nhỏ, dây leo từ phía sau công trình xây dựng lên đến chân vách đá và được D trả tiền công mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), cũng trong ngày 08/3/2023, D gọi điện cho T bảo mang cây giống đến để trồng. Đến ngày 09/3/2023, T thuê xe ô tô của ông Vũ Đình L, sinh năm 1969, trú tại tổ ..., phường PCK, thành phố BK chở cây Hoa ban, cây Lê, cây Mận (mỗi loại khoảng 100 cây) đến công trình xây dựng do D đang trông coi, quản lý tại thôn CT, xã NM, huyện BB và thuê Vũ Xuân N, sinh năm 1969, trú tại tổ ..., phường ĐX, thành phố BK; Lê Ngọc D, sinh năm 1987, trú tại thôn DN, xã NT, huyện NT, tỉnh ND đến trồng cây tại khu vực phía sau công trình xây dựng theo yêu cầu của D.

Ngày 10/3/2023, Ngô Văn S rủ thêm Vừ Văn S, sinh năm 1985; Dương Văn T, sinh năm 1987; Dương Văn D, sinh năm 1997; Vừ Văn T, sinh năm 2002; Vừ Văn P, sinh năm 2007; Vừ Văn M, sinh năm 2003 cùng trú tại thôn CS, xã XL, huyện CD cùng nhau dùng dao phát cỏ cá nhân mang theo chặt, phá các cây bụi, dây leo, bụi Chuối và đào các gốc Chuối tại khu vực D thuê phát, phá. Cũng trong sáng ngày 10/3/2023, N và D tiến hành trồng các cây hoa Ban, cây Lê, cây Mận. Đến cuối buổi chiều ngày 10/3/2023, nhóm của Snghỉ và đi xuống khu vực công trình báo lại với D là đã phát, phá cây xong nhưng chưa đào được gốc chuối. Sau đó, D trả cho mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Sáng ngày 13/3/2023, Ngô Văn S tiếp tục rủ Thào Văn S, Dương Văn T, Vừ Văn T, Vừ Văn S (sinh năm 1980), Vừ Văn H sinh năm 2004 cùng trú tại thôn CS, xã XL, huyện CD cùng nhau tiếp tục dùng dao phát phá và chặt hạ 06 (sáu) cây gỗ to có đường kính trung bình khoảng 20cm tại khu vực phía sau công trình theo yêu cầu của D. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi nhóm của S đang chặt, phá thì tổ công tác của Công an tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Hạt Kiểm lâm vườn Quốc gia BB, Công an xã NM đến yêu cầu nhóm người này dừng phát phá và lập biên bản sự việc.

Ngày 17/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định khu vực rừng bị phát phá thuộc lô 9, 10, 11 khoảnh 1, tiểu khu 77 thuộc thôn CT, xã NM, huyện BB là rừng đặc dụng theo Bản đồ quy hoạch ba loại rừng của xã NM, huyện BB (Ban hành theo Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh BK) do Ban Quản lý Vườn Quốc gia BB quản lý. Tổng diện tích rừng bị phát phá là 2.850m², trong đó khu vực bị phát phá tập trung nhiều cây Chuối có diện tích là 1.213m²; khu vực có nhiều cây bụi, cây gỗ nhỏ bị chặt hạ có diện tích là 1.637m². Thiệt hại về lâm sản gồm: 06 (sáu) cây gỗ (trong đó có: 02 (hai) cây Mạy Tèo thuộc nhóm gỗ thông thường có tổng khối lượng là 0,253m³; 02 (hai) cây Duối thuộc nhóm VIII có tổng khối lượng là 0,337m³; 01 (một) cây Săng lá nhỏ thuộc nhóm VII có khối lượng là 0,153m³; 01 (một) cây Dời Dời thuộc nhóm gỗ thông thường có khối lượng là 0,047m³) và 08 (tám) gốc cây bị chặt không phát hiện thân cây và không xác định được loài.

Qua điều tra xác định: Khu vực rừng bị hủy hoại, phát phá thuộc các lô 9, 10, 11 Khoảnh 1, Tiểu khu 77 Bản đồ Quy hoạch 3 loại rừng xã NM, huyện BB thuộc loại rừng đặc dụng, trong đó: Lô 9, trạng thái rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đá lá rộng thường xanh nghèo kiệt; Lô 10 và lô 11, trạng thái rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đá lá rộng thường xanh giàu. (BL: 156)

Cơ quan điều tra đã tiến hành yêu cầu định giá đối với 06 (sáu) cây gỗ bị thiệt hại. Tại kết luận định giá tài sản số 04 ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn kết luận:

“06 (sáu) cây gỗ (gồm 02 (hai) cây Mạy Tèo thuộc nhóm gỗ thông thường có tổng khối lượng là 0,253m³; 02 (hai) cây Duối thuộc nhóm VIII có tổng khối lượng là 0,337m³; 01 (một) cây Săng lá nhỏ thuộc nhóm VII có khối lượng là 0,153m³; 01 (một) cây Dời Dời thuộc nhóm gỗ thông thường có khối lượng là 0,047m³), có tổng giá trị là 440.300đ (Bốn trăm bốn mươi nghìn, ba trăm đồng).”

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn xác định, quá trình bà Trương Thị D thuê ông Ban Hoàng D san ủi đất đã lấn chiếm 656,3m² diện tích đất rừng đặc dụng (theo Bản đồ quy hoạch ba loại rừng của xã NM, huyện BB, tỉnh BK ban hành theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh BK) thuộc lô 9, lô 11 khoảnh 1, tiểu khu 77 thuộc quyền quản lý của Ban quản lý Vườn Quốc gia BB. Công trình Homestay của gia đình bà D xây dựng trái phép trên diện tích đất trồng cây lâu năm chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là 1.031,1m².

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Trần Văn D thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKSBK-P1 ngày 28/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm d khoản 1 điều 243 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Điều 243 BLHS có nội dung:

“1. Người nào có hành vi..., phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...

d) Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 mét vuông (m²) đến dưới 3.000 mét vuông (m²);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng; Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 20 đến 25 triệu đồng. Án phí và vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Cơ bản nhất trí với Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xét xử bị cáo hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo đề nghị HĐXX, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, tu dưỡng rèn luyện trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/3/2023 đến ngày 13/3/2023, Trần Văn D đã tự thuê Ngô Văn S, Thảo Văn S, Vừ Văn S, Dương Văn T, Dương Văn D, Vừ Văn T, Vừ Văn P, Vừ Văn M, Vừ Văn S và Vừ Văn H phát, phá tổng diện tích 2.850m² (hai nghìn, tám trăm năm mươi mét vuông) rừng đặc dụng thuộc lô 9, 10, 11 khoảnh 1, tiểu khu 77 (theo Bản đồ quy hoạch ba loại rừng của xã NM, huyện BB ban hành theo Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh BK) do Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể quản lý. Gây thiệt hại về lâm sản gồm 06 (sáu) cây gỗ thuộc nhóm VII, VIII, kết luận của Hội đồng định giá có tổng giá trị là 440.300đ (Bốn trăm bốn mươi nghìn, ba trăm đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm d khoản 1 điều 243 BLHS. Do vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo Trần Văn D về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo Trần Văn D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước; xâm phạm đến môi trường sinh thái, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần thiết phải có một hình phạt tương xứng nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Văn D trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 440.300đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, bị cáo đã mua cây giống và trồng trên diện tích rừng bị phát phá, nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, cụ thể đã trồng 100 cây Lê; 100 cây Mận; 100 cây hoa Ban. Bị cáo là người đã từng nhập ngũ tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc trong cuộc chiến tranh Biên

giới năm 1979 tại huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang và được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào các quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy:

Bị cáo Trần Văn D có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mà cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương thì vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo mặc dù lao động tự do, tuy nhiên gia đình không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, có tài sản để đảm bảo thi hành án. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho UBND tỉnh BK số tiền là 440.300 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường và đã nộp số tiền trên tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại của bị cáo với đại diện nguyên đơn dân sự là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 06 (sáu) cây gỗ bị chặt hạ hiện đang được Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia BB bảo quản, cần tịch thu, giao cho UBND tỉnh BK xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với: 01 con dao liềm của Ngô Văn S; 01 con dao liềm của Thảo Văn S; 01 con dao liềm của Dương Văn T; 01 con dao liềm của Dương Văn D. Xác định là các vật chứng được các đối tượng sử dụng để phát, phá rừng trái phép, không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus của Trần Văn D xác định là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

- 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn D; 01 quyển sổ có bìa màu vàng, 14 hóa đơn bán hàng và 02 hóa đơn bán lẻ của bị cáo; 01 quyển sổ của Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với số tiền 440.300đ bị cáo Trần Văn D đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[8] Tình tiết khác của vụ án:

Đối với các cá nhân được bị cáo Trần Văn D thuê phát, phá rừng trái phép và được bị cáo trả tiền công gồm: Ngô Văn S được bị cáo trả 1.200.000 đồng; Thào Văn S được bị cáo trả 900.000 đồng; Vừ Văn S được bị cáo trả 300.000 đồng; Dương Văn T được bị cáo trả 600.000 đồng; Dương Văn D được bị cáo trả 300.000 đồng; Vừ Văn T được bị cáo trả 600.000 đồng; Vừ Văn P được bị cáo trả 300.000 đồng; Vừ Văn M được bị cáo trả 300.000 đồng; Vừ Văn S được bị cáo trả 300.000 đồng; Vừ Văn H được bị cáo trả 200.000 đồng. Qua điều tra thấy rằng, hành vi có dấu hiệu của tội phạm. Tuy nhiên, những người này cùng trú tại thôn CS, xã XL, huyện CD đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông), theo Đạo Tin Lành, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, đa số có trình độ văn hóa thấp không hiểu biết pháp luật đầy đủ, được D thuê, chỉ đạo phát phá rừng trái phép. Những người này khi phát phá không biết đó là rừng đặc dụng do Ban Quản lý Vườn Quốc gia BB quản lý và phát, phá theo chỉ đạo của bị cáo D với mục đích để nhận tiền công. Trong giai đoạn điều tra, những người này đều thành khẩn khai báo, hợp tác tốt với cơ quan điều tra. Do vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét xử lý về hình sự và không buộc những người này phải nộp lại số tiền công đã nhận từ bị cáo vào ngân sách Nhà nước là phù hợp. Tuy nhiên, yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành các thủ tục, giao những người trên cho UBND xã XL, huyện CD quản lý, răn đe về hành vi vi phạm, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật và ký cam kết không vi phạm pháp luật, quy định, hương ước tại địa phương nơi sinh sống.

Đối với bà Trương Thị D, là chủ công trình xây dựng Homestay: Quá trình điều tra đã làm rõ, bà D không được bàn bạc, thống nhất, chỉ đạo hoặc được Trần Văn D thông báo về việc thuê người phát, phá rừng đặc dụng, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hành vi huỷ hoại rừng với vai trò đồng phạm với D là có căn cứ. Tuy nhiên, qua điều tra xác định năm 2019, bà D có hành vi thuê ông Ban Hoàng D dùng máy xúc san ủi mặt bằng tại thửa đất 45, 67 tờ bản đồ số 105 là đất trồng cây lâu năm với diện tích là 1.031,1m² và san ủi lấn chiếm 656,3m² đất thuộc lô 9, lô 11 khoảnh 1, tiểu khu 77 là rừng đặc dụng. Ngoài ra, khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bà D đã thực hiện việc xây dựng công trình Homestay trái phép, nên Cơ quan điều tra đã chuyển vụ việc đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét xử lý theo quy định. Ngày 25/7/2023, UBND huyện BB đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 1457/QĐ-XPHC, xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi: Chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép; Chiếm đất rừng đặc dụng tại khu vực nông thôn; Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm.

Đối với ông Trần Hồng C và bà Phan Thị A, là người góp vốn đầu tư với bà Trương Thị D để xây dựng công trình Homestay tại thôn CT, xã NM, huyện BB và nhờ Trần Văn D (chú của ông Công) trông coi, quản lý công trình. Qua điều tra xác định, ông C và bà A không được bàn bạc, chỉ đạo hoặc thống nhất với D để thuê

người phát, phá rừng đặc dụng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Văn T, là người bán cây hoa Ban, cây Lê, cây Mận cho Trần Văn D và trồng cây tại khu vực rừng đặc dụng bị phát phá. Qua điều tra xác định, trước khi trồng cây, T không được D cho biết vị trí trồng cây tại đâu, khi đưa cây đến công trình D mới chỉ cho T biết vị trí trồng cây, thời điểm này khu vực rừng phía sau công trình đang được phát phá. T là người từ địa phương khác đến trồng cây theo sự chỉ đạo của D, nên T không biết khu vực trồng cây phía sau công trình xây dựng là rừng đặc dụng. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý với T là phù hợp.

Đối với ông Nông Văn T, Nông Đức T được thuê làm chủ thầu xây dựng công trình Homestay; ông Vũ Đình L là người cho T thuê xe ô tô chở các loại cây cảnh đến công trình xây dựng nơi D đang trông coi; Vũ Xuân N, Lê Ngọc D là người T thuê đến trồng cây tại phía sau công trình xây dựng theo yêu cầu của D. Qua điều tra xác định những cá nhân trên không liên quan đến việc phát, phá rừng đặc dụng của Trần Văn D, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Trần Văn D 20 (Hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 (Bốn mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã AK, thành phố TQ, tỉnh TQ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 243 BLHS. Phạt bị cáo Trần Văn D 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS. Các Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn D bồi thường cho Ủy ban nhân dân tỉnh BK số tiền 440.300đ (Bốn trăm bốn mươi nghìn, ba trăm đồng).

4. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

4.1 Tịch thu, giao cho UBND tỉnh BK 06 (sáu) cây gỗ bị chặt hạ (gồm 02 cây Mạy Tèo thuộc nhóm gỗ thông thường có tổng khối lượng là $0,253\text{m}^3$, 02 cây Duối thuộc nhóm VIII có tổng khối lượng là $0,337\text{m}^3$, 01 cây Săng lá nhỏ thuộc nhóm VII có khối lượng là $0,153\text{m}^3$, 01 cây Dời Dời thuộc nhóm gỗ thông thường có khối lượng là $0,047\text{m}^3$) để xử lý theo quy định của pháp luật.

4.2 Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) con dao liềm có thân dao dài 24,5cm bằng kim loại gắn với cán dao bằng gỗ, có tổng chiều dài là 38cm tạm giữ của Ngô Văn S; 01 (một) con dao liềm có thân dao dài 29cm bằng kim loại gắn với cán dao bằng gỗ, có tổng chiều dài là 45cm tạm giữ của Thảo Văn S; 01 (một) con dao liềm có thân dao dài 24cm bằng kim loại gắn với cán dao bằng gỗ, có tổng chiều dài là 57cm tạm giữ của Dương Văn T; 01 (một) con dao liềm có thân dao dài 23,5cm bằng kim loại gắn với cán dao bằng gỗ, có tổng chiều dài là 42cm tạm giữ của Dương Văn D.

4.3 Tịch thu, hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu hồng, đã qua sử dụng, mặt sau bị vỡ của bị cáo Trần Văn D.

4.4 Trả lại bị cáo Trần Văn D, gồm: 01 (một) căn cước công dân số ... cấp ngày 29/4/2021, mang tên Trần Văn D được niêm phong trong túi niêm phong số PS2A 069247; 01 (một) quyển sổ có bìa màu vàng, trên bìa có dòng chữ “SỔ GHI CHÉP” đã qua sử dụng, bên trong có chữ viết của Trần Văn D, 14 (mười bốn) hóa đơn bán hàng và 02 (hai) hóa đơn bán lẻ được niêm phong trong túi niêm phong số PS2A 069245.

4.5 Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 (một) quyển sổ trên bìa có dòng chữ “SỔ KẾ TOÁN” đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T được niêm phong trong túi niêm phong số PS2A 069249.

4.6 Tạm giữ số tiền 440.300đ (*Bốn trăm bốn mươi nghìn, ba trăm đồng*) bị cáo Trần Văn D đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn theo biên lai thu tiền số 0000181 ngày 05/7/2023, để đảm bảo thi hành án trách nhiệm dân sự cho bị cáo.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn; Biên bản bàn giao quản lý vật chứng giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Ba Bể).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương